

Bản án số: 23/2018/DS-PT
Ngày: 14-6-2018
“V/v tranh chấp bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuân Hương;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hồng;

Ông Trần Văn Cảnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thanh Vân – Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2018, tại Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLPT-DS ngày 09 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DSST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 59/2018/QĐ-PT ngày 17 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T.

Địa chỉ : Số 233 ấp 7, xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; hiện trú tại: Gara ô tô ĐVH, tổ X, ấp VH, thị trấn PM, huyện TT, tỉnh BR – VT. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N.

Anh Nguyễn Văn Q.

Anh Nguyễn Văn T.

Cùng địa chỉ: Đội X, công ty BD, xã IP, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

3. Người kháng cáo: Bị đơn là bà Nguyễn Thị N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, nguyên đơn là bà Vũ Thị T trình bày:

Do mâu thuẫn trong việc đóng tiền điện nên ngày 26/4/2010 trên đường đi làm về, bà điều khiển xe đạp đến nhà bà Nguyễn Thị N thì gặp 3 cháu là Nguyễn Văn T, Lê Văn H và Lê Văn T1 đang đi phía trước bà thuộc thôn 5, xã Ea Rốc, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk, khi nhìn thấy bà, thì T (con của bà N) kêu lên “Mẹ ơi, bà T về rồi”, nghe T kêu vậy thì bà N từ trong nhà cầm 1 cây tre dài khoảng 2 mét lao về phía bà và dùng cây tre đánh bà, khi bà dừng xe thì bà N lao vào nắm tóc bà, cùng lúc đó có Nguyễn Văn Q và Nguyễn Văn H từ trong nhà chạy ra, Q vật bà ngã xuống đường, do bà đang giữ bà N nên hai bên đều ngã xuống đường, bà N vẫn nắm tóc bà không chịu buông ra, bà nằm lên người bà N, Q cầm cục đá xanh lớn đập vào đầu bà, khi đập còn hô “Đánh chết mẹ nó đi, đánh bỏ mẹ nó”. Bà bị đánh vào đầu máu chảy nhiều nên H nói “Thôi bỏ bà ấy ra, máu chảy nhiều lắm rồi” sau đó bà gượng dậy và đi lên Công an xã trình báo vụ việc và được anh D đưa lên trạm xá điều trị vết thương, tổng số tiền điều trị như sau:

- Đơn thuốc: + Ngày 27/4/2010 là 134.000 đồng.
- + Ngày 29/4/2010 là 258.500 đồng.
- + Ngày 29/4/2010 là 15.000 đồng.
- + Ngày 29/4/2010 là 1.500.000 đồng.
- + Ngày 02/5/2010 là 700.000 đồng.
- + Ngày 03/5/2010 là 1.957.840 đồng.
- + Ngày 03/5/2010 là 500.087 đồng.
- + Ngày 08/5/2010 là 400.000 đồng.
- + Ngày 21/5/2010 là 1.382.000 đồng.
- + Ngày 02/6/2010 là 2.890.000 đồng.
- + Ngày 19/6/2010 là 1.080.000 đồng.

Tổng cộng tiền thuốc là 10.816.627 đồng.

- Tiền công mất thu nhập từ ngày 26/4/2010 đến ngày 30/9/2010 là 150 ngày x 100.000đồng/ngày là 15.000.000 đồng.

- Tiền công người chăm sóc là 50 ngày x 100.000đồng/ ngày là 5.000.000 đồng

- Tiền xe người đi lại chăm sóc là 1.000.000 đồng.

- Tiền tổn thất tinh thần là 30.000.000 đồng.

Tổng cộng là 61.816.627đồng.

Trong quá trình nằm viện bà N đã đưa cho bà số tiền là 3.860.000 đồng.

ay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà N, anh Q, anh T phải có trách nhiệm bồi thường cho bà số tiền như trên. Và yêu cầu tính lãi suất của số tiền 20.000.000 đồng là tiền bà đi vay để điều trị, theo mức lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tính từ ngày 19/5/2010 cho đến nay.

Đối với anh Nguyễn Văn H, bà không yêu cầu anh H phải bồi thường vì anh H không tham gia đánh bà.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Do mâu thuẫn nên ngày 26/4/2010 bà cùng anh Q, anh T đánh và gây thương tích cho bà T, anh H không tham gia đánh bà T.

Sau khi gây thương tích bà đã chủ động chi trả toàn bộ chi phí nằm bệnh viện ES cũng như bệnh viện đa khoa TH. Toàn bộ chi phí bà thanh toán nhưng không có lưu giữ hóa đơn hay chứng từ gì. Theo bà T khai nhận số tiền bà đã chi trả là 3.860.000 đồng như bà T xác nhận là đúng.

Nay bà T yêu cầu bà cùng anh Q, anh T bồi thường số tiền 61.816.627 đồng cùng với lãi suất của số tiền 20 triệu đồng với lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tính từ ngày 19/5/2010 cho đến nay bà không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến của mẹ anh là bà Nguyễn Thị N, sau khi gây thương tích cho bà T thì gia đình đã bồi thường số tiền 3.860.000 đồng là tiền thuốc, tiền ngày công không lao động được, tiền bồi thường thiệt hại về sức khỏe.

Nay bà T yêu cầu bồi thường số tiền 61.816.627 đồng và lãi suất của số tiền 20.000.000 đồng anh không đồng ý, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Anh nhất trí với ý kiến của bà Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Văn Q, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 24/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai đã quyết định:

Áp dụng các Điều 585; 586, 587, 588, 590 của Bộ luật dân sự 2015;

Xử:

Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của bà Vũ Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị T số tiền bị thiệt hại gồm: tiền đơn thuốc và chi phí điều trị là: 8.617.427 đồng; tiền mất thu nhập do nghỉ nằm viện điều trị của bà T và tiền công 1 người chăm sóc khi điều trị là 1.600.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 19.500.000 đồng; tiền xe đi lại là 1.000.000 đồng. Tổng cộng bốn khoản là 30.717.427 đồng, đã bồi thường được 3.860.000 đồng; còn phải bồi thường tiếp số tiền là: 26.857.427 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu số

tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi của khoản tiền 20.000.000 đồng mà bà Vũ Thị T yêu cầu.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, quyền tự nguyện, thỏa thuận hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án và tuyên quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 06 tháng 2 năm 2018, bị đơn là bà Nguyễn Thị N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người kháng cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà N kháng cáo cho rằng, vụ việc xảy ra từ tháng 4 năm 2010, cho đến năm tháng 5 năm 2015, bà T mới có đơn khởi kiện, theo quy định tại Điều 607 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự đã hết nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và “vô hiệu” đơn khởi kiện của bà T.

Xét nội dung kháng cáo này của bà N, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 26/4/2010, bà T đã bị bà N, anh T và anh Q đánh gây thương tích tỷ lệ là 12%. Ngày 10/2/2012, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ES, tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự cố ý gây thương tích. Ngày 18/9/2013, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ES, tỉnh Đắk Lắk quyết định đình chỉ điều tra vụ án. Như vậy, sự việc bà N, anh T và anh Q gây thương tích cho bà T đã được cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ES, tỉnh Đắk Lắk giải quyết. Theo quy định tại Điều 158 Bộ luật dân sự năm 2005 thì do có sự việc giải quyết của cơ quan có thẩm quyền, cụ thể là cơ quan điều tra công an huyện ES, tỉnh Đắk Lắk nên thời hiệu hưởng quyền dân sự của bà T bị gián đoạn và thời hiệu hưởng quyền dân sự của bà T được tính lại từ đầu sau khi cơ quan cảnh sát điều tra ra quyết định đình chỉ điều tra vụ án. Do đó, đến ngày bà T khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm (ngày 18/5/2015) vẫn chưa hết thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 607 của Bộ luật dân sự năm 2005, nên việc Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật, nên nội dung kháng cáo này của bà N không có cơ sở để chấp nhận.

[2] Các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện: Do mâu thuẫn trong việc đóng tiền điện từ trước nên ngày 26/4/2010, bà T đã bị bà N, anh T và anh

Q đánh gây thương tích tỷ lệ là 12%. Ngày 10/2/2012, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ES, tỉnh Đắk Lắk đã ra quyết định khởi tố vụ án hình sự cố ý gây thương tích. Ngày 18/9/2013, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ES, huyện Đắk Lắk đã ra bản kết luận điều tra số 57/KLĐT, kết luận “Từ tài liệu chứng cứ thu thập được cho thấy Nguyễn Văn T không đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, hành vi của Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn Q không cấu thành tội phạm”; cùng ngày cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện ES, huyện Đắk Lắk đã ra Quyết định số 03 đình chỉ điều tra vụ án hình sự, vì lý do: Việc bà T bị bà Nghi, anh T gây thương tích vào ngày 26/4/2010 là có thật, tổng tỷ lệ thương tích là 12%, trong đó anh T dùng đá đánh vào đầu bà T gây ra vết thương đỉnh chằm với tỷ lệ thương tích 8%. Tuy nhiên trong sự việc trên không có dấu hiệu đồng phạm, hành vi gây thương tích của anh T và bà N đối với bà T là tự phát và độc lập với nhau, tính đến thời điểm xảy ra vụ việc anh T chưa được 16 tuổi, do đó hành vi của bà N không cấu thành tội phạm cố ý gây thương tích, anh T chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Cùng ngày 18/9/2013, Viện kiểm sát nhân dân huyện ES, tỉnh Đắk Lắk đã có kết luận số 02/KSĐT-HS kết luận: Quyết định đình chỉ điều tra vụ án số 03 ngày 18/9/2010 của Cơ quan điều tra công an huyện ES là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật

Như vậy, thương tích của bà T là do hành vi trái pháp luật của bà N, anh Q và anh T gây ra, sau khi bị gây thương tích, bà T đã điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện ES, tỉnh Đắk Lắk và bệnh viện đa khoa TH tại thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; bà T chữa trị thương tích theo đơn thuốc, theo chỉ định của bác sĩ. Sau khi điều trị, bà T còn phải tiếp tục uống thuốc và phải bồi dưỡng sức khỏe, nên bà N, anh T và anh Q có nghĩa vụ phải bồi thường cho bà T các khoản chi phí đó cùng với khoản tiền bù đắp tổn thất tinh thần, tiền thu nhập bị mất của bà T và người chăm sóc cho bà T và chi phí đi lại trong thời gian điều trị.

Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào chỉ định của bác sĩ, vào các hoá đơn, chứng từ hợp lệ do nguyên đơn xuất trình; căn cứ vào các chi phí hợp lý cho việc chữa trị thương tích, thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại, khoản tiền bù đắp tổn thất về tinh thần của người bị thiệt hại để chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà N, anh Q và anh T phải bồi thường cho bà T 30.717.427 đồng do sức khỏe bị xâm phạm là phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

[2.1] Bà N kháng cáo cho rằng các bên đã thỏa thuận bồi thường của theo biên bản giải quyết ngày 14/5/2010 của Công an xã ER, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk với tổng số tiền thỏa thuận là 4.159.300 đồng, bà đã đưa cho bà T 3.860.000 đồng, bà T chỉ không đồng ý với số tiền ăn thêm là 500.000 đồng và đề nghị Tòa giải quyết vấn đề này và cho đến nay thời hiệu khởi kiện cũng đã hết.

Xét nội dung kháng cáo này của bà Nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Như đã nhận định tại mục 1, bà T khởi kiện khi còn thời hiệu khởi kiện. Việc tại biên bản giải quyết ngày 14/5/2010 của Công an xã ER, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk (bút lục 171) có nội dung liên quan đến vấn đề bồi thường dân sự là có thật, tuy nhiên tại mục người bị hại, bà T đã thể hiện ý kiến không đồng ý với thỏa thuận này và tại phiên tòa sơ thẩm, bà T cũng khai là không đồng ý với nội dung của biên bản này nên mới khởi kiện. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, bà T thừa nhận có nhận của bà N 3.860.000 đồng và Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định khấu trừ số tiền này vào tổng số tiền mà bà N, anh T và anh Q phải liên đới bồi thường cho bà T. Do đó, nội dung kháng cáo này của bà Nghị cũng không có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Đối với kháng cáo của bà N về tiền công lao động bị mất thu nhập khi nằm viện, xét thấy: Việc bà N, anh Q và anh T gây thương tích cho bà T là có thật, sau khi bị gây thương tích bà T có nhập viện để điều trị thương tích 8 ngày, việc Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình, căn cứ vào lời khai của các bên về mức tiền công trung bình một ngày đối với lao động phổ thông tại thời điểm tháng 4/2010 tại xã ER, huyện ES, tỉnh Đắk Lắk để tính khoản tiền bồi thường về ngày công mất thu nhập để buộc bà N, anh Q và anh T bồi thường là đúng quy định, do đó kháng cáo của bà N không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Đối với kháng cáo về khoản bồi thường về tổn thất tinh thần của bà N là không có cơ sở để chấp nhận, bởi lẽ: Việc bà N, anh Q và anh T đánh bà T không chỉ gây thiệt hại về sức khỏe mà còn gây tổn thất về tinh thần cho bà T. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về phần yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần với mức 15 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định là phù hợp với quy định tại Điều 609 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 590 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Từ những tình tiết trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà N. Tuy nhiên, do hành vi gây thiệt hại về sức khỏe của bị đơn và việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại diễn ra trước thời điểm Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực mà Tòa án cấp sơ thẩm chỉ áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 là chưa đầy đủ, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sẽ áp dụng bổ sung các điều luật tương ứng của Bộ luật dân sự 2005 khi giải quyết vụ án.

[4] Người kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Căn cứ các Điều 604, 605, 606, 607 và 609 của Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 585, 586, 587, 588 và Điều 590 Bộ luật dân sự năm 2015;

Xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T.

Buộc bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn Văn T phải liên đới bồi thường cho bà Vũ Thị T số tiền bị thiệt hại gồm: Tiền đơn thuốc và chi phí điều trị là: 8.617.427 đồng; tiền mất thu nhập do nghỉ nằm viện điều trị của bà T và tiền công 1 người chăm sóc khi điều trị là 1.600.000 đồng; tiền tổn thất tinh thần là 19.500.000 đồng; tiền xe đi lại là 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 30.717.427 đồng, đã bồi thường 3.860.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường 26.857.427 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T về việc yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi của khoản tiền 20.000.000 đồng.

Buộc bà Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn Q và anh Nguyễn Văn T liên đới chịu 1.342.871 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002033 ngày 05/03/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CP, tỉnh Gia Lai. Bà Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND huyện Chư Prông;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Chư Prông;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Xuân Hương